TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH THÁI NGUYÊN** Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST Ngày 25 - 9 - 2023 V/v Kiện xin ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long;
Các Thanh thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư;
2. Bà Nguyễn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lương Dương Tùng Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/LHST ngày 18 tháng 4 năm 2023. về việc Kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023.

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn L – sinh năm 1989;
HKTT tại: Xóm C, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;
- *Bị đơn:* Chị Phạm Diệu L - sinh năm 1997;
HKTT tại: Xóm C, xã Y, huyện P, Thái Nguyên.
(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Phạm Diệu L năm 2015, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai cưỡng ép. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xóm C, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó đến năm 2019 thì vợ chồng sảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Nguyên nhân là do chị L thường bỏ nhà đi không có lý do. Anh không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này với chị nữa, vợ chồng anh hiện đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hiện tại anh không còn tình cảm với chị L nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phong L (SN

08.12.2016). Hiện đang ở với anh L, sau khi ly hôn anh đề nghị đuwọc nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không nợ ai và không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã đến nhà bố mẹ đẻ của chị Phạm Diệu L xác minh tại xóm Bãi Nha, xã Cổ Lũng, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Chị Phạm Diệu L không có hộ khẩu thường trú tại gia đình ông Phạm Sóng Biển. Tại biên bản xác minh, làm việc ngày 25/6/2023 với ông Phạm Sóng Biển, địa chỉ xóm Bãi Nha, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, là bố đẻ của chị Phạm Diệu L, ông Biển cung cấp hiện con ông đang làm gì ở đâu ông không biết, thỉnh thoảng có gọi điện về hỏi thăm sức khỏe gia đình, bố mẹ nhưng không nói đang ở đâu và hiện đang làm gì. Gần đây cháu gọi về thì tôi cũng có nói là chồng có đơn xin ly hôn tại tòa án, ý kiến con thế nào thì cháu cũng trình bày quan điểm là nhất trí ly hôn và cũng đồng ý giao con cho anh L nuôi dưỡng và chăm sóc. Hiện cháu đang đi làm ăn xã không thể về thạm gia giải quyết vụ án được, còn mọi việc yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 07/8/2023, Công an xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cung cấp: chị Phạm Diệu L (có lý lịch nêu trên) hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại chị L không có mặt tại địa phương, chị L đi đâu, làm gì địa phương không xác định được. Theo thông tin nắm được thì chị L vẫn thường xuyên về thăm con xong lại đi ngay.

Do chị L không có mặt tại địa phương, cố tình giấu địa chỉ, Tòa án đã tống đạt cho gia đình chị L, tiến hành niêm yết công khai và tiến hành các thủ tục tố tụng. Tòa án nhân dân huyện P quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 52 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L xin ly hôn chị Phạm Diệu L.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Phạm Diệu L.

Về con chung: Giao con 01 con chung là Nguyễn Phong L (SN 08.12.2016)

cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh L chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn chị Phạm Diệu L có nơi cư trú tại xóm C, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện P đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179, điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị L vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Diệu L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 09/9/2015 của UBND xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào điều Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, anh L được ly hôn với chị L là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh L, chị L có 01 con chung là Nguyễn Phong L (SN 08.12.2016); hiện đang ở với anh là Nguyễn Văn L. Tại bản tự khai và tại phiên tòa, anh L đều có nguyện vọng muốn nuôi con, anh xác định đủ điều kiện kinh tế để nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị L đi đâu làm gì, anh L và gia đình không biết nên việc giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Anh L không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp

luật.

[4] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L xin ly hôn chị Phạm Diệu L.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Phạm Diệu L.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phong Lê (SN 08/12/2016) cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung.Về cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003668 ngày 18/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho anh L biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện P;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đức Long